

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH PHÚ**

Tỉnh Bến Tre

Bản án số: **25/2021/DS-ST**

Ngày: 04/5/2021

V/v tranh chấp “*Hợp đồng
mua bán tài sản*”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P- TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Triết.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Dương Văn Hai
2. Bà Nguyễn Thị Mơ

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Lộc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

Ngày 04 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 58/2021/TLST-DS ngày 03/3/2021 về tranh chấp “*Hợp đồng mua bán tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2021/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Phan Đức Q, sinh năm 1967. Nơi cư trú: Số 142/2, ấp GH, xã G T, huyện P, tỉnh Bến Tre.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Dương Kim H, sinh năm 1964. Địa chỉ: D2, cư xá PL, p13, q6, thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Lưu Văn Tr, sinh năm 1974 và Nguyễn Thị Lo, sinh năm 1977. Cùng cư trú: Số 171/1, ấp TH, xã T H, huyện T P, tỉnh Bến Tre.

(ông Hải, ông r, bà L có mặt tại Tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 02/3/2021, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phan Đức Q là ông Nguyễn Dương Kim H trình bày:

Từ năm 2015 đến năm 2017 ông Lưu Văn T, bà Nguyễn Thị L có mua thức ăn nuôi tôm thuốc thú y thủy sản (TYTS) tại hộ kinh doanh cơ sở chế biến thủy sản QT Mê Kông do ông Phan Đức Q đại diện với thỏa thuận (hợp đồng miệng): Đại lý bao thức ăn nuôi hết vụ tôm, hộ nuôi trả tiền vào cuối vụ nuôi với hình thức giao dịch hộ nuôi nhận thức ăn tại đại lý và ký nợ, tổng kết cuối vụ trả tiền. Thực hiện hợp đồng thỏa thuận phía đại lý cung cấp đủ số lượng thức ăn cho hộ nuôi. Tổng kết lại đến 19/01/2018 thì ông T, bà L còn nợ số tiền 64.232.000 đồng (Có làm giấy nhận nợ ngày 19/01/2018). Từ thời điểm đó đã liên tục nhắc nhở phía ông T, bà L thanh toán và đến cuối 2020 cũng lại tiếp tục nhắc nhở (điện thoại, gặp mặt...) để chi trả số nợ trên nhưng đến nay ông T, Bà L vẫn chưa trả hết.

Việc ông T, Bà L kéo dài thời hạn trả nợ gây thiệt hại nghiêm trọng quyền và lợi ích hợp pháp của Cơ sở chế biến thủy sản QT Mê Kông nên yêu cầu tính lãi chậm trả đối với ông T, Bà L từ ngày 20/01/2018 đến 20/4/2021 là 39 tháng với mức lãi suất 0,83%/tháng như sau:

Vốn gốc 64.232.000đồng x 0,83%/tháng x 39 tháng = 20.790.000đồng tiền lãi (tính tròn số)

Tại phiên tòa, ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lưu Văn T, bà Nguyễn Thị L có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Phan Đức Q số tiền vốn + lãi: 85.022.000 (Tám mươi lăm triệu, không trăm hai mươi hai nghìn) đồng, yêu cầu trả một lần, không đồng ý cho trả dần hàng năm như yêu cầu của bị đơn.

Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa bị đơn ông Lưu Văn T, bà Nguyễn Thị L trình bày:

Ông, bà thừa nhận có ký tên vào giấy nhận nợ ngày 19/01/2018 là còn nợ của ông Phan Đức Q với số tiền nợ gốc là 64.232.000 (Sáu mươi bốn triệu, hai trăm ba mươi hai nghìn) đồng từ việc mua thức ăn nuôi tôm – thuốc TYTS nhưng đến nay chưa trả cho Ông Q.

Tại phiên tòa ông, bà đồng ý có nghĩa vụ liên đới trả cho Ông Q số tiền nợ gốc này 64.232.000 đồng, nhưng do hoàn cảnh gia đình hiện nay đang gặp khó khăn, làm ăn thua lỗ nên xin được trả dần mỗi năm 5.000.000đồng, trả dần cho đến khi dứt nợ. Còn về phần tiền lãi 20.790.000đồng xin không trả cho Ông Q.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn ông Phan Đức Q tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản với bị đơn ông Lưu Văn T, bà Nguyễn Thị L theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; theo điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P.

[2] Hợp đồng mua bán tài sản giữa nguyên đơn ông Phan Đức Q với bị đơn ông Lưu Văn T, bà Nguyễn Thị L được giao kết trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng, không bên nào bị lừa dối hoặc bị ép buộc; cả hai đều có đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự nên xem là hợp đồng hợp pháp theo quy định tại các Điều 430, 431, 432, 433, 434 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung: Qua tố tụng tại Tòa án bị đơn ông Lưu Văn T, bà Nguyễn Thị L đã thừa nhận còn nợ ông Phan Đức Q với số tiền nợ gốc là 64.232.000 (Sáu mươi bốn triệu, hai trăm ba mươi hai nghìn) đồng nhưng chưa có khả năng trả, xin được trả dần và không trả lãi.

Xét thấy việc ông T, Bà L nợ ông Phan Đức Q số tiền 64.232.000 (Sáu mươi bốn triệu, hai trăm ba mươi hai nghìn) đồng nhưng chưa thanh toán đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ông Q.

Nên căn cứ quy định tại các Điều 430, 431, 432, 433, 434 Bộ luật dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Đức Q buộc ông Lưu Văn T, bà Nguyễn Thị L có nghĩa vụ liên đới trả cho Ông Q số tiền vốn và tiền lãi là 85.022.000 (Tám mươi lăm triệu, không trăm hai mươi hai nghìn) đồng

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên ông Lưu Văn T, bà Nguyễn Thị L phải có nghĩa vụ liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Số tiền án phí ông T, Bà L phải liên đới nộp (85.022.000đồng x 5%) là: 4.251.100 (Bốn triệu, hai trăm năm mươi một nghìn, một trăm) đồng.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 430, 431, 432, 433, 434 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Đức Q. Buộc ông Lưu Văn T, bà Nguyễn Thị L phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Ông Q số tiền 85.022.000 (Tám mươi lăm triệu, không trăm hai mươi hai nghìn) đồng

Kể từ ngày Bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lưu Văn T, bà Nguyễn Thị L có nghĩa vụ liên đới nộp: 4.251.100 (Bốn triệu, hai trăm năm mươi một nghìn, một trăm) đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bến Tre.

Ông Phan Đức Q được Chi cục thi hành án dân sự huyện Phòan trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.925.000đồng theo biên lai thu số 0005669, ngày 03 tháng 3 năm 2021.

Đương sự có mặt được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện P;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ, Văn phòng).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Hồ Thị Triết